

Lời giải cho bài toán “việc làm cho nông dân bị thu hồi đất” ở Việt Nam hiện nay

MA NGỌC NGÀ

Việt Nam là một nước nông nghiệp, cho đến nay vẫn còn hơn 70% dân cư sinh sống ở nông thôn và cũng trên 70% lực lượng lao động xã hội làm việc trong khu vực này. Với tiến trình công nghiệp hóa và tốc độ đô thị hóa mạnh mẽ như vừa qua, đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, số hộ nông dân không có đất hoặc có ít đất sản xuất ngày càng tăng, việc làm cho người nông dân bị thu hồi đất đang là một trong những vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc, cần sớm tìm ra lời giải thỏa đáng. Bài viết này, kỳ vọng tham gia vào việc tìm lời giải đó.

1. Hiện trạng việc làm của người nông dân bị thu hồi đất sản xuất

Đối với Việt Nam, cho đến nay, đất đai vẫn là một trong những phương tiện cơ bản, quyết định khả năng tồn tại và phát triển của nông nghiệp, nông thôn cũng như việc làm và sinh kế của nông dân. Trong thời gian gần đây, mỗi năm Việt Nam đã dành ra khoảng 70.000 hecta đất nông nghiệp phục vụ cho các nhu cầu phi nông nghiệp. Trong khi dân số và lao động ở nông thôn vẫn tiếp tục tăng nhanh và đồng nghĩa với vấn đề này là diện tích đất nông nghiệp bình quân theo đầu người ở nông thôn vận động theo xu hướng giảm dần. Đồng hành với tình trạng này là số nông dân lâm vào tình trạng thiếu đất sản xuất, thiếu việc làm ngày càng tăng.

Việc sử dụng một khối lượng diện tích đất đai đáng kể làm mặt bằng cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ là yêu cầu tất yếu cho sự phát triển của mọi quốc gia. Thực tế của nhiều nước cho thấy, họ chỉ sử dụng những vùng đất không sản xuất nông nghiệp được, hoặc sản xuất nông nghiệp rất kém hiệu quả mới dùng cho mục đích làm mặt bằng cho sản xuất công nghiệp hoặc dịch vụ, còn đối Việt Nam thì phần lớn là ngược lại. Xuất phát từ việc tìm những vị trí mà ở đó tương đối thuận lợi về cơ sở hạ tầng, gần các dịch vụ,... để

hấp dẫn các nhà đầu tư mà những diện tích đất nông nghiệp màu mỡ, phương tiện sinh kế cơ bản và duy nhất của nhiều nông dân đã bị thu hồi để chuyển đổi mục đích sử dụng. Việc thu hồi đất của nông dân kiểu như trên không phải vấn đề riêng của một địa phương nào mà là vấn đề tương đối phổ biến trong cả nước.

Thực tế trong vài năm trở lại đây, khi các khu công nghiệp, sân golf... mọc lên ngày càng nhiều, thì cùng với đó là sự mất đi của hàng ngàn hecta đất nông nghiệp. Điển hình như thành phố Hà Nội, từ năm 2001 - 2008 đã triển khai 2818 dự án đầu tư liên quan đến thu hồi đất; bình quân 1 năm, thành phố giải phóng mặt bằng gần 1.000 hecta, trong đó trên 80% là đất nông nghiệp, ảnh hưởng đến 178.205 hộ dân. Trong 8 năm (2001 - 2008) đã có khoảng 197.000 người bị mất việc do bị thu hồi đất và con số này tiếp tục tăng qua các năm.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, việc thu hồi đất nông nghiệp trong 5 năm (2003-2008) đã tác động đến đời sống của hơn 627.000 hộ gia đình nông dân với khoảng 950.000 lao động và 2,5 triệu người, 25-30% lao động không có việc làm hoặc có việc làm nhưng không ổn định. Nhìn chung trong cả nước, theo khảo sát mới đây cho thấy, trung bình cứ mỗi hecta đất bị thu hồi sẽ có 10 lao

Ma Ngọc Nga, Viện Kinh tế Việt Nam.

động bị ảnh hưởng. Đồng bằng sông Hồng là vùng có diện tích đất bị thu hồi lớn nhất trong những năm qua (chiếm 4,4% tổng diện tích đất nông nghiệp). Trung bình mỗi ha đất nông nghiệp bị thu hồi ở vùng đồng bằng sông Hồng có 15,33 người bị mất việc làm, cá biệt có địa phương như Hà Nội, 1 ha đất thu hồi có tới gần 20 lao động bị mất việc làm. Tỉnh Bắc Ninh, năm 2008, sau khi ruộng đất bị thu hồi do đô thị hóa, công nghiệp hóa, chỉ có 5% – 6% nông dân tìm được việc làm mới, hơn 90% còn lại rất lúng túng và bế tắc. Chúng ta đều biết rằng cuộc sống của người nông dân từ xưa đến nay gắn bó mật thiết với ruộng đồng. Vì vậy, mất đất đồng nghĩa với việc họ mất nghề, mất đi đối tượng lao động, phương tiện kiếm sống của mình.

Số tiền có được do các dự án “đền bù” cho diện tích đất bị thu hồi, hoặc bán đất, tuy giúp cho một số hộ nông dân giàu lên nhưng “cái giàu” ở đây mang tính không bền vững. Nhiều vùng nông thôn Việt Nam bỗng chốc xuất hiện hàng loạt “triệu phú thất nghiệp”. Đó chính là bi kịch, là hậu quả xấu do việc không tính toán một cách khoa học, hoặc sự thiếu quan tâm đầy đủ đến lợi ích nông dân và sự phát triển của nông nghiệp, nông thôn. Mặc dù Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định cho các đối tượng bị thu hồi đất, nhưng trên thực tế hầu hết người dân chưa được giúp đỡ, hướng dẫn, chuẩn bị tâm lý, kiến thức để đủ khả năng thích ứng với điều kiện của cuộc sống mới mất phương tiện sản xuất cơ bản. Đa phần các hộ nông dân bị thu hồi đất sau khi nhận được khoản tiền đền bù đều sử dụng số tiền đó để trang bị các phương tiện sinh hoạt đất tiền như xây nhà hiện đại, mua ô tô, xe máy, ti vi... và dùng để tiêu xài là chính, rất ít người biết cách sử dụng số tiền “được” bồi thường đó đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh, hoặc bảo toàn đồng vốn

một cách hợp lý. Họ không biết cách chuyển đổi nghề nghiệp và do đó không kịp thời thích ứng với sự thay đổi, cuộc sống trở nên khó khăn, bế tắc, thậm chí có những hộ trở nên khánh kiệt.

Người nông dân không có việc làm, không có thu nhập đã phải lên các thành phố lớn làm thuê, làm mướn kiếm sống, góp phần tạo thêm những áp lực về dân số, nhà ở, việc làm, y tế, giáo dục, tệ nạn xã hội... cho các thành phố lớn. Hiện nay, ở Hà Nội có tới 11,4% lao động di cư và con số này ở thành phố Hồ Chí Minh là 20,6% (tính đến tháng 12-2010). Bộ phận nông dân không có cơ hội tìm kiếm việc làm ở thành phố đành chấp nhận “về hưu”, mặc dù nếu còn đất sản xuất, họ vẫn có thể ra đồng làm việc, tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình. Đây là cơ sở làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc của Việt Nam hiện nay.

Mặc dù, việc thu hồi đất nông nghiệp và hệ lụy của nó đối với việc làm và sinh kế của nông dân như vậy, nhưng chúng ta cũng có thể chấp nhận “sự đánh đổi” khi sự việc “đã rồi” và khi lợi ích quốc gia có thể “cân đối” được nếu số diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi được đưa và sử dụng một cách hiệu quả. Thực tế vừa qua đã để lại một dấu ấn chẳng mấy bình thường, nếu không nói là quá tồi tệ của phát triển, khi số tài nguyên (đất đai) mà nông dân “chuyển cho” công nghiệp và dịch vụ đang bị sử dụng lãng phí (nhiều diện tích chưa được sử dụng), bị lạm dụng phục vụ cho lợi các nhân hoặc nhóm mà không phải vì lợi ích quốc gia. Vậy, một vấn đề lớn đang được đặt ra là: tại sao công nghiệp phát triển, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ lại không góp phần nâng cao đời sống người nông dân mà ngược lại còn làm cho tình trạng thiếu việc làm đối với người nông dân trở nên nghiêm trọng hơn?

2. Nguyên nhân của tình trạng thiếu việc làm đối với người nông dân mất đất

Thứ nhất, số tiền đền bù quá thấp, không giúp người nông dân giải quyết được vấn đề việc làm, thậm chí không đủ để đảm bảo cuộc sống cho họ, phổ biến ở mức 30 - 40 triệu đồng/sào (360m²). Giả sử một hộ nông dân có 3 sào ruộng với 5 lao động, nếu hộ nông dân đó bị thu hồi cả 3 sào ruộng, họ sẽ nhận được khoản tiền đền bù trên dưới 100 triệu đồng. Số tiền này liệu có đủ để đảm bảo cuộc sống và giải quyết việc làm cho 5 lao động thất nghiệp khi không còn đất sản xuất? Với tình hình lạm phát hiện nay, giá cả của hầu hết các loại hàng hóa, nhất là hàng tiêu dùng thiết yếu đang tăng nhanh, thì số tiền đền bù đó có thể chỉ đủ duy trì cuộc sống của những người nông dân này trong một khoảng thời gian ngắn, ngay cả việc duy trì mức sinh hoạt tối thiểu cho người nông dân mà số tiền đền bù cũng chỉ đủ cho vài tháng, vậy thì đâu là cơ sở để giải quyết việc làm cho họ?

Thứ hai, chính sách chuyển đổi nghề nghiệp cho người nông dân tuy đã được Nhà nước quan tâm, nhưng nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn đa dạng của từng vùng, miền, địa phương cụ thể. Công tác quản lý nhà nước chưa đủ mạnh, ít hiệu lực trong vấn đề giải quyết việc làm cho người nông dân bị thu hồi đất. Khi tiến hành thu hồi đất sản xuất của người nông dân, các chủ thể thu hồi đất hầu như không tính đến chuyện người dân sẽ làm gì khi không còn đất sản xuất. Hầu hết doanh nghiệp khi triển khai dự án chỉ tập trung đến những mục đích trước mắt như sẽ thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng như thế nào là nhanh nhất, với chi phí thấp nhất, lợi ích kinh tế mà những mảnh đất đó mang lại cho họ là bao nhiêu...

Thứ ba, trình độ học vấn và tay nghề của đa số người nông dân còn yếu kém đây là một thực tế đã và đang diễn ra ở tất cả các vùng nông thôn. Hiện chỉ có khoảng trên 27% lao động bị thu hồi đất đã tốt nghiệp phổ thông, 14% được đào tạo nghề

ngắn hạn. Sở dĩ trình độ người lao động nông thôn còn hạn chế là do những nguyên nhân chủ yếu sau:

(1) Vấn đề hiệu quả trong công tác đào tạo nghề cho người nông dân bị thu hồi đất những năm vừa qua được các địa phương triển khai và thực hiện một cách tràn lan, chạy theo số lượng và quy mô, không bám sát thực tiễn, không có ý thức đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, của xã hội. Vì vậy, các lớp đào tạo nghề vẫn thường xuyên được thành lập, số lượng người lao động qua đào tạo cũng ngày càng lớn, nhưng số lao động có tay nghề phù hợp với nhu cầu và tìm được việc làm sau khi qua đào tạo hầu như tăng thêm không đáng kể. Số lao động được đào tạo và số lao động tìm được việc làm mới sau khi bị thu hồi đất không tương xứng về số lượng. Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người nông dân không hiệu quả vừa gây lãng phí tiền của, công sức của Nhà nước, của người dân nhưng nghiêm trọng hơn là làm mất lòng tin của người nông dân vào chính sách của Nhà nước.

(2) Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, đoàn thể địa phương trong công tác đào tạo nghề cho người lao động chưa chặt chẽ. Bản thân các trung tâm dạy nghề ở các địa phương nhiều lúc cũng không nắm được có bao nhiêu học viên đã qua học nghề là đối tượng bị thu hồi đất. Ngoài ra, mức hỗ trợ trực tiếp cho đào tạo nghề quá thấp và chưa đa dạng, khiến đào tạo nghề ngắn hạn còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu dạy nghề. Bên cạnh đó, trong chính sách hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân bị thu hồi đất canh tác, chưa có sự liên kết giữa chính sách hỗ trợ đào tạo và chính sách hỗ trợ tìm việc cho người dân. Vì vậy, người dân sau khi được đào tạo nghề hầu như đều phải tự tìm kiếm việc làm trong điều kiện thị trường lao động yêu cầu ngày một khắt khe và những khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam cũng như thế giới.

Thứ tư, số lượng lao động quá tuổi đào tạo nghề và tuyển dụng (trên 35 tuổi) thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số lao động ở nông thôn và hầu như không có hy vọng tìm việc. Những lao động trên 35 tuổi vẫn có thể làm việc và tạo ra năng suất cao khi hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nhưng khi bị thu hồi đất, họ cũng chính là đối tượng khó chuyển đổi nghề nghiệp nhất, bởi vì họ đã quá tuổi đào tạo nghề và hầu như không có cơ hội tìm kiếm việc làm ở các khu công nghiệp, bởi các khu công nghiệp khi tuyển dụng lao động, ngoài những tiêu chuẩn về trình độ, tay nghề, còn đặt ra những điều kiện về tuổi tác. Các doanh nghiệp hầu hết chỉ tuyển dụng lao động dưới 35 tuổi. Hiện vẫn chưa có chính sách tài chính nào hỗ trợ hiệu quả hơn với người lao động trên 35 tuổi để họ chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với khả năng, hoàn cảnh và tình hình thực tế.

Thứ năm, do các chủ đầu tư khi thực hiện thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp trên đất của nông dân thường cam kết rằng, khi khu công nghiệp đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện cho người nông dân vào làm việc, nhưng sau đó họ không thực hiện đúng cam kết, hoặc đưa ra những tiêu chuẩn rất khắt khe đối với người lao động như: phải có trình độ chuyên môn tay nghề, phải tốt nghiệp THPT, biết ngoại ngữ... Hoặc là có tạo việc làm cho người nông dân nhưng với mức lương rất thấp, khiến người lao động không thể chấp nhận làm việc, bởi với mức lương đó cuộc sống của họ không được đảm bảo.

Ngoài ra, nhiều diện tích đất của người nông dân bị thu hồi để phục vụ cho xây dựng các khu công nghiệp nhưng lại bị bỏ hoang. Trong những năm gần đây, xuất hiện hiện tượng nhiều doanh nghiệp đứng ra mua đất sản xuất của người nông dân trên danh nghĩa là để xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất..., nhưng thực chất lại nhằm thực hiện các hoạt động đầu cơ bất động sản. Như vậy một bộ phận đất

đai của người nông dân đã bị chuyển đổi mục đích sử dụng, nhưng lại không được sử dụng đúng mục đích, dẫn tới nhiều nông dân không có việc làm, trong khi đất đai màu mỡ của họ sau khi bị thu hồi thì vẫn bị bỏ hoang.

3. Một số hàm ý chính sách nhằm từng bước giải quyết việc làm cho nông dân mất đất

Thứ nhất, cần đền bù đất sát giá thị trường và có những điều chỉnh hợp lý trong chính sách đất đai. Tuân thủ nguyên tắc thị trường để thực hiện bồi thường, đền bù cho người dân có đất bị thu hồi. Điều này thể hiện trước hết là ở giá cả đền bù phải được hình thành trên nguyên tắc thỏa thuận giữa các chủ thể, đó là Nhà nước với người dân hoặc doanh nghiệp với người dân.

Ngoài bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản trên đất đúng theo quy định và phù hợp với thực tiễn từng địa phương, cần tiếp tục tập trung các nguồn lực của Nhà nước và xã hội để thực hiện các chính sách cho người dân thuộc diện thu hồi đất, giúp cho họ có việc làm mới có thu nhập bảo đảm đời sống tốt hơn hoặc ít nhất là bằng trước khi bị thu hồi đất. Nhà nước và doanh nghiệp cần tiếp tục có trách nhiệm thực hiện những chính sách giúp người dân ổn định cuộc sống, ổn định chỗ ở và việc làm.

Thứ hai, nâng cao chất lượng lao động thông qua công tác đào tạo và dạy nghề. Chất lượng lao động đề cập ở đây bao gồm cả trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề, kỹ năng làm việc, văn hóa ứng xử, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật... Cần phát triển mạnh hệ thống dạy nghề theo hướng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng trên cơ sở đa dạng hóa, chuẩn hóa và hiện đại hóa các cơ sở dạy nghề, ngành nghề đào tạo, trình độ và phương thức đào tạo, bảo đảm cơ cấu ngành nghề, trình độ đào tạo phù hợp. Đối với đối tượng lao động nông nghiệp trên 35 tuổi, khó có

khả năng học nghề, cần có những hỗ trợ riêng biệt, như tập trung đào tạo nghề ngắn hạn đối với đối tượng này, chủ yếu là các nghề dịch vụ, giúp đỡ những đối tượng này phát triển được nghề nghiệp sau đào tạo.

Cần chú ý đào tạo theo nhu cầu xã hội. Từ thực tế tồn tại tình trạng chưa có sự cân đối trong cung cấp và sử dụng nguồn nhân lực, vừa thừa vừa thiếu, cho nên cần thiết có sự điều chỉnh phù hợp. Vì thế, việc đào tạo phải phù hợp, tương ứng với nhu cầu sử dụng lao động của nền kinh tế, của xã hội. Các cơ sở đào tạo, các trung tâm dạy nghề cần quan tâm tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu xã hội để từ đó có kế hoạch đào tạo hợp lý. Giữa các cơ sở đào tạo và cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu sử dụng lao động, cần có mối quan hệ mật thiết với nhau: cơ sở sử dụng lao động có thể đặt hàng và cơ sở đào tạo có sản phẩm (người lao động) theo đúng yêu cầu sử dụng. Bên cạnh đó, nên thiết lập hệ thống kết nối giữa hướng nghiệp dạy nghề tư vấn, giới thiệu việc làm doanh nghiệp, thu hút, tạo điều kiện cho nước ngoài đầu tư vào các cơ sở đào tạo nghề của Việt Nam.

Tiếp tục xã hội hóa việc đào tạo nghề, tăng cường hơn nữa việc khai thác, đa dạng hóa các nguồn lực để phát triển công tác đào tạo nghề. Hoàn thiện và bổ sung chính sách, cơ chế quản lý công tác đào tạo nghề, theo hướng khuyến khích, rộng mở. Tạo môi trường hoạt động bình đẳng thực sự giữa các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp đào tạo... Khuyến khích doanh nghiệp, khu vực tư nhân tham gia dạy nghề coi những doanh nghiệp lớn là những cơ sở đào tạo nghề.

Xác định rõ ràng trách nhiệm của các bên trong hỗ trợ đào tạo nghề cho người dân bị thu hồi đất canh tác. Nhà nước, mà đại diện là chính quyền địa phương các cấp, chủ đầu tư là các doanh nghiệp thực hiện đầu tư và bản thân người lao động được đền bù cũng phải có trách nhiệm tài

chính với đào tạo nghề. Hiện nay, việc xác định trách nhiệm hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ ổn định đời sống của các chủ đầu tư đối với người dân trong vùng bị thu hồi đất canh tác là khá rõ ràng, nhưng việc xác định trách nhiệm hỗ trợ đào tạo nghề và trách nhiệm hỗ trợ tạo việc làm cho người nông dân sau khi đào tạo nghề đối với doanh nghiệp chủ đầu tư còn chưa thực sự minh bạch. Nếu như xác định rõ ràng trách nhiệm này và kêu gọi đầu tư từ chủ đầu tư các dự án, sẽ là một nguồn tài chính đáng kể để phát triển đào tạo nghề cho người dân bị thu hồi đất canh tác. Bên cạnh đó, người lao động cần hiểu rõ năng lực và trình độ của mình, đồng thời cần thu thập thêm các thông tin về thị trường lao động, nhu cầu tuyển dụng, mức lương, loại công việc thích hợp, để từ đó lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực của mình. Họ cũng cần ý thức được trách nhiệm tự nâng cao trình độ bản thân, giao tiếp, khả năng hòa nhập vào môi trường mới.

Thứ ba, huy động nguồn lực để phát triển mạnh các vùng, ngành, lĩnh vực có khả năng thu hút nhiều lao động.

Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế trang trại, hợp tác xã, đặc biệt coi trọng phát triển kinh tế dịch vụ, công nghiệp chế biến nông sản, khôi phục và phát triển các làng nghề tiểu thủ công mỹ nghệ sản xuất sản phẩm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đó là những ngành nghề có khả năng giải quyết việc làm cho nhiều lao động và không đòi hỏi nhiều ở người lao động những tiêu chuẩn về trình độ, chuyên môn, tay nghề...

Tăng đầu tư vào nông thôn, miền núi nhằm chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động thông qua các chính sách trợ giúp tín dụng, tạo điều kiện cho người lao động phát triển kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tăng cường hoạt động thu hút lao động,

đặc biệt là khu vực FDI. Khu vực này đã và đang góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm cho người lao động nói riêng và góp phần cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Một số giải pháp khác:

1) Tạo việc làm cho người nông dân ngay trong thời gian triển khai xây dựng khu công nghiệp để người dân có thể ổn định cuộc sống. Thông thường việc xây dựng các khu công nghiệp thường triển khai trong khoảng thời gian khá dài. Vì vậy, trong khoảng thời gian đó, cần có cơ chế chính sách tạo việc làm cho người nông dân, có thể chỉ là việc làm tạm thời trong thời gian chờ đợi khu công nghiệp đi vào hoạt động, nhưng phải mang lại thu nhập đủ đảm bảo cuộc sống cho người lao động.

2) Bên cạnh việc bố trí đất tái định cư cho người dân, cần phải có quỹ đất để người dân có thể mở những xưởng sản xuất nhỏ hay mở cửa hàng để buôn bán, làm dịch vụ. Bởi khi bị mất đất sản xuất, những thanh niên thì có thể có cơ hội kiếm việc làm trong các nhà máy, xí nghiệp, còn những người ở độ tuổi trung niên (trên 35 tuổi) thì rất khó kiếm được việc làm, cần có chính sách quan tâm hỗ trợ đặc biệt đến đối tượng này. Xây dựng đội ngũ tư vấn, hỗ trợ người nông dân sau khi họ bị mất đất, để họ ổn định tâm lý và thích ứng được với cuộc sống mới.

3) Hỗ trợ vốn kịp thời cho hộ chuyển dịch từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp thông qua các hình thức tín dụng, hướng dẫn phương thức sử dụng vốn có hiệu quả. Tổ chức cho những người thất nghiệp, người thiếu việc làm vay vốn để tạo việc làm mới hoặc tự tạo thêm việc làm có hiệu quả hơn, gắn với chuyển giao công nghệ, hướng dẫn cách làm ăn cho nông dân và phát triển ngành nghề. Các địa phương cần chủ động huy động nguồn vốn trong dân, tranh thủ những nguồn tài trợ, chứ không nên trông chờ hoàn toàn vào Nhà nước.

4) Tạo điều kiện giúp lao động nông thôn tiếp cận với việc làm bằng cách tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách về lao động việc làm, tạo khung pháp lý cho lao động việc làm. Ban hành Luật Xuất khẩu lao động, Luật Dạy nghề. Xây dựng các quy định về bảo hiểm thất nghiệp; sửa đổi, bổ sung Bộ Luật lao động theo hướng thiết thực, hiệu quả; sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách quản lý. Điều hành Quỹ quốc gia về việc làm theo hướng phân vốn vay theo khả năng tạo chỗ làm mới, ưu tiên các tỉnh đạt hiệu quả cao trong hoạt động vay vốn, nơi có nhiều đồng bào dân tộc, nơi có diện tích đất nông nghiệp lớn chuyển sang đất phi nông nghiệp. Tăng cường phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương, chú trọng đẩy mạnh phân cấp cho cấp huyện trong việc tổ chức và thực hiện các dự án cho vay giải quyết việc làm. Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước, với các tổ chức đoàn thể trong việc giao vốn vay; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức cho vay theo các dự án nhằm hạn chế rủi ro do các nguyên nhân khách quan, bảo tồn và phát triển nguồn vốn.

Phát triển các loại hình cung cấp thông tin về việc làm, giúp người lao động nông thôn có cơ hội tiếp cận với các thông tin về tuyển dụng, như các trung tâm giới thiệu việc làm, các hội chợ giới thiệu việc làm...

5) Xuất khẩu lao động là một giải pháp quan trọng góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, thực hiện công khai và giảm thiểu các khoản mà người lao động phải chi trả khi đi làm việc ở nước ngoài. Cải cách các thủ tục hành chính, tạo sự thông thoáng và giảm phiền hà cho người lao động và doanh nghiệp. Hoàn thiện tổ chức hệ thống xuất khẩu lao động, đồng thời cần thanh tra giám sát thường xuyên các hoạt động của hệ thống này. Hoàn thiện các chính sách về xuất khẩu lao động hợp lý, đảm bảo tính công khai,

minh bạch tránh những bất lợi cho người lao động có nhu cầu xuất khẩu lao động.

6) Nhà đầu tư – chủ thể thu hồi đất của người nông dân không nên bồi hoàn tất cả số tiền mà người nông dân được nhận, để hạn chế việc người dân sử dụng không hợp lý khoản tiền đền bù, mà nên thỏa thuận để giữ lại cho người dân một số cổ phần nhất định trong các dự án. Số tiền đó có thể được dùng làm chi phí đào tạo nghề cho người nông dân hoặc để sinh lời, người nông dân sẽ được hưởng lãi hàng tháng, hàng quý..., góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân.

Tóm lại, khi Nhà nước, doanh nghiệp, các cơ quan chức năng và toàn xã hội thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thực sự quan tâm đến đời sống của bộ phận người nông dân bị thu hồi đất sản xuất, thì vấn đề việc làm cho những người

nông dân này sẽ được giải quyết một cách triệt để và hiệu quả hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Thảo – Góp phần phát triển bền vững nông thôn Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2004.
2. TS Trần Thị Minh Ngọc – Việc làm của nông dân trong quá trình CNH, HĐH vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 2010.
3. Bùi Quang Bình – Sử dụng hợp lý và hiệu quả lao động nông thôn để phát triển bền vững kinh tế Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 391, tháng 12-2010.
4. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Những vấn đề kinh tế xã hội ở nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, HN, 2010.
5. Tạp chí Kinh tế và dự báo số 409 (5/2007) và số 453 (7/2009)
6. Thông tin Tài chính số 327 (10/2005)
7. Website: www.tapchicongsan.org.vn
8. Website Đảng Cộng sản Việt Nam: www.cpv.org.vn